

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
1	Báo cáo của Ban Giám đốc	1 – 2
2	Báo cáo kết quả công tác soát xét	3 - 4
3	Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
-	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ</i>	5 – 7
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ</i>	8 - 9
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ</i>	11 - 11
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ</i>	12 – 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 1 trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty kết thúc ngày 30/6/2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 1 (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 010302147 ngày 24/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2010, mã số doanh nghiệp 0100106257.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2010, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

Chi nhánh, văn phòng:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 1 tại Quảng Ninh	Xã Thống nhất, huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 1 tại Hà Nội. (Ngày 20/01/2011, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 1 đã ra Quyết định số 03/QĐ/HĐQT về việc “Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 1 tại Hà Nội”)	Số 18/165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Công ty con:

Tên	Địa chỉ
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	Số 18/165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	Số 18/165 đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính

Các thành viên Hội đồng quản trị gồm:

1 Ông Nguyễn Duy Kiên	Chủ tịch HĐQT
2 Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
3 Ông Đào Công Chứng	Ủy viên
4 Ông Nguyễn Văn Toán	Ủy viên
5 Ông Nguyễn Đức Ngọ	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc gồm:

1	Ông Nguyễn Duy Kiên	Tổng Giám đốc
2	Ông Bùi Công Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Đặng Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K là Công ty kiểm toán độc lập có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Thăng Long - T.D.K bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những năm tiếp theo.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 30 tháng 08 năm 2011

T.M Ban Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DUY KIÊN

Số: /BCKT/TC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011
của Công ty Cổ phần Sông Đà 1*

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 1 được lập ngày 30 tháng 08 năm 2011 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2011, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2011 được trình bày từ trang 05 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán viên

Chúng tôi không thực hiện soát xét báo cáo tài chính của hai công ty con được hợp nhất là Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình và Công ty Cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội. Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm của hai công ty này được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán ASC – Chi nhánh Hà Nội theo đó:

- Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình
 - Đến thời điểm 30/6/2011 số vốn góp còn thiếu là 3.996.500.000 đồng.
 - Chi phí quản lý 6 tháng đầu năm được theo dõi trên Tài khoản 142 chờ phân bổ cho 6 tháng cuối năm là 1.275.618.701 đồng.

▪ Công ty Cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội

- Đến thời điểm 30/6/2011 số vốn góp còn thiếu là 7.770.000.000 đồng
- Tại thời điểm 30/6/2011, Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty đang phản ánh lớn hơn doanh thu còn lại của các Hợp đồng đã thực hiện là 9.783.099.451 đồng. Theo Ban Giám đốc Công ty, phần chênh lệch này sẽ được bù đắp bằng các quyết toán chênh lệch giá với chủ đầu tư nhưng hiện tại các quyết toán chênh lệch giá này chưa được phê duyệt.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng vì lý do nêu trên đến báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2011

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
THĂNG LONG – T.D.K
Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

TỪ QUỲNH HẠNH
Chứng chỉ KTV số: 0313/KTV

LƯU ANH TUẤN
Chứng chỉ KTV số: 1026/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		606.427.636.899	587.011.914.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.365.156.871	6.945.061.486
1. Tiền	111	V.01	6.365.156.871	6.945.061.486
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.159.360.000	12.332.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	3.666.000.000	12.666.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn(*)	129		(506.640.000)	(334.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		152.809.875.387	161.862.285.158
1. Phải thu khách hàng	131		138.178.885.161	150.343.889.691
2. Trả trước cho người bán	132		11.411.672.683	10.214.657.853
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		2.027.946.364	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	3.810.849.146	2.913.060.897
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	139		(2.619.477.967)	(1.609.323.283)
IV. Hàng tồn kho	140		413.869.461.997	337.820.257.034
1. Hàng tồn kho	141	V.04	413.869.461.997	337.820.257.034
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.223.782.644	68.052.310.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.05	3.147.415.662	976.020.896
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.896.124.245	6.919.695.954
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		2.227.555.864	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	15.952.686.873	60.156.593.857
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.049.287.187	44.061.448.909
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		41.846.779.505	29.406.824.448
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	41.806.195.701	29.406.824.448
- Nguyên giá	222		69.002.157.328	68.778.619.990
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(27.195.961.627)	(39.371.795.542)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	40.583.804	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.09	14.310.000.000	12.034.227.893
3. Đầu tư dài hạn khác	258		14.997.327.893	12.034.227.893
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn(*)	259		(687.327.893)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		10.892.507.682	2.620.396.568
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.892.507.682	2.620.396.568
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		673.476.924.086	631.073.363.294

BẢN CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Quý 2 năm 2011

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		581.815.346.066	539.965.522.720
I. Nợ ngắn hạn	310		574.678.253.076	536.657.228.296
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	47.069.130.919	28.575.506.657
2. Phải trả người bán	312		39.848.695.363	73.733.537.001
3. Người mua trả tiền trước	313		95.309.739.942	100.097.388.384
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	2.229.433.699	3.051.444.411
5. Phải trả người lao động	315		4.622.061.783	3.463.198.697
6. Chi phí phải trả	316	V.13	334.474.388.190	288.028.560.433
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	50.639.054.495	39.817.418.234
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		485.748.685	(109.825.521)
II. Nợ dài hạn	330		7.137.092.990	3.308.294.424
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15	7.020.000.000	2.778.703.600
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		90.942.642	90.942.642
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		26.150.348	438.648.182
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.629.888.068	85.276.268.892
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	83.629.888.068	85.276.268.892
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		20.754.319.108	20.754.319.108
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.762.886.293	1.863.142.316
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.946.862.915	688.356.383
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7.165.819.752	11.970.451.085
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.031.689.952	5.831.571.682
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		673.476.924.086	631.073.363.294

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
4. Nợ khó đòi đã xử lý		220.896.961	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1
Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐẶNG DUY PHONG

NGUYỄN VĂN TOÁN

NGUYỄN DUY KIÊN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ*Quý 2 năm 2011*

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm Nay	Năm trước
1	2	3			4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.17	88.961.778.395	99.643.541.012	136.710.623.768	127.755.365.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.18	9.266.300	-	9.266.300	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		88.952.512.095	99.643.541.012	136.701.357.468	127.755.365.762
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.19	79.274.271.514	95.019.989.353	119.477.713.800	117.260.812.550
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.678.240.581	4.623.551.659	17.223.643.668	10.494.553.212
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20	691.669.090	3.113.710.284	2.229.790.456	5.020.866.947
7. Chi phí tài chính	22	VI.21	3.866.719.966	2.934.105.769	5.917.695.402	4.087.343.908
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.023.283.786	2.161.420.869	5.055.169.222	3.314.659.008
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.768.676.564	3.679.132.422	10.202.194.458	7.981.973.511
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		1.734.513.141	1.124.023.752	3.333.544.264	3.446.102.740
11. Thu nhập khác	31	VI.22	2.365.437.528	4.007.575.573	8.442.312.690	6.738.348.300
12. Chi phí khác	32	VI.23	1.063.505.893	1.839.405.624	2.708.410.089	2.590.116.508
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		1.301.931.635	2.168.169.949	5.733.902.601	4.148.231.792

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		3.036.444.776	3.292.193.701	9.067.446.865	7.594.334.532
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	689.863.645	960.261.037	1.812.274.441	1.804.227.120
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		2.346.581.131	2.331.932.664	7.255.172.424	5.790.107.412
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		69.072.850		191.352.672	
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	62		2.277.508.281	2.331.932.664	7.063.819.752	5.790.107.412
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		445,5	466,4	1.451,0	1.158,0

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐẶNG DUY PHONG**NGUYỄN VĂN TOÁN****NGUYỄN DUY KIÊN**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 2 năm 2011

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	142.107.334.895	128.304.714.399
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(88.267.399.629)	(32.328.258.406)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(8.031.477.789)	(4.087.378.716)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(5.019.134.297)	(1.020.105.806)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(1.428.995.492)	(4.474.344.822)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	100.032.151.201	225.940.175.459
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(166.217.988.766)	(318.787.988.981)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.825.509.877)	(6.453.186.873)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(12.725.300.090)	(547.253.634)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.039.975.555	4.250.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.000.000.000)	(42.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	46.000.000.000	53.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.963.100.000)	(50.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.865.749.135	3.525.074.996
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.782.675.400)	(31.772.178.638)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	2.070.000.000	47.006.870.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP do DN phát hành	32	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	58.462.490.919	30.092.113.890
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(30.504.210.257)	(23.827.519.965)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(3.015.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.028.280.662	50.255.763.925
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(579.904.615)	12.030.398.414

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.945.061.486	1.955.405.542
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	6.365.156.871	13.985.803.956

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐẶNG DUY PHONG

NGUYỄN VĂN TOÁN

NGUYỄN DUY KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Sông Đà 1 (sau đây được viết tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần hoạt động theo luật doanh nghiệp. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 010302147 ngày 24/12/2007, thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2010, mã số doanh nghiệp 0100106257.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 05/4/2010, lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

Trụ sở chính của Công ty: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất, thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Xây dựng, khai thác và kinh doanh các nhà máy điện;
- Xây dựng các công trình giao thông;
- Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị và vật liệu xây dựng;
- Xây dựng đường dây và trạm điện;
- Khai thác và chế biến khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xử lý nền móng;
- Sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Tư vấn và quản lý bất động sản (không bao gồm tư vấn về giá đất);
- Khoan, khai thác mỏ lộ thiên.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Kỳ kế toán này bắt đầu từ ngày 01/01/2011 và kết thúc vào ngày 30/6/2011;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.**Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất:*****Các Công ty con:***

Công ty con là đơn vị do Công ty mẹ kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty con được hợp nhất trong các Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ về công nợ phải thu, phải trả nội bộ; toàn bộ thu nhập, chi phí và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

TT	Tên Công ty con	Nơi thành lập	Vốn điều lệ	Tỷ lệ phần sở hữu	Ngành nghề chính
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	Hoà Bình	20.000.000.000	51%	Xây lắp
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	Hà Nội	20.000.000.000	51%	Xây lắp

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**2.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng do Ngân hàng nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

2.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

4.1 Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lỹ
kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được
công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong
đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân
bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các
khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo , nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là
“trương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\text{Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính} = \left(\begin{array}{cc} \text{Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế} & - \text{Vốn chủ sở hữu thực có} \end{array} \right) \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế}}$$

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công
thức sau:

$$\text{Mức dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán} = \left(\begin{array}{cc} \text{Số lượng chứng khoán bị giảm giá tại thời điểm lập báo cáo tài chính} & \times \end{array} \right) \left(\begin{array}{cc} \text{Giá chứng khoán hạch toán trên sổ kế toán} & - \text{Giá chứng khoán thực tế trên thị trường} \end{array} \right)$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình
quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là
giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại
chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại
chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03)
công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Trong kỳ, không có khoản chi phí đi vay nào được vốn hoá.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Chi phí công cụ dụng cụ
- Chi phí bảo lãnh

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này gồm:

- Chi phí xây dựng các công trình

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là tổng các khoản chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

12. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

13.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu kinh doanh bất động sản được xác định theo số tiền thực tế thu theo tiến độ.

13.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

13.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13.4. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo biên bản quyết toán A – B, biên bản nghiệm thu giai đoạn.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

16. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- Chi phí thuế TNDN của hoạt động kinh doanh bất động sản được tính 2% trên doanh thu.
- Thuế suất thuế TNDN của các hoạt động khác là 25%.

Thuế giá trị gia tăng

- Thuế GTGT của hoạt động xây lắp và kinh doanh bất động sản là 10%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối quý	Số đầu năm
01. Tiền		
VP Công ty	5.331.544.384	3.930.500.508
+ Tiền mặt	605.605.837	1.396.942.257
+ Tiền gửi Ngân hàng	4.725.938.547	2.533.558.251
- NH ĐT&PT Đông Đô	3.546.009.923	2.027.643.873
- NH TMCP Quân Đội - CN Tây Hà Nội	606.065	342.750.634
- NH NN&PTNT Trảng An	787.845.230	159.072.070
- NH TMCP Quân Đội CN Trần Duy Hưng	360.154.275	963.884
- NH TM cổ phần Phương Đông	26.117.046	1.740.381
- NH TMCP An Bình	5.206.008	1.387.409
CN Quảng Ninh	260.368.277	1.512.629.701
+ Tiền mặt	57.293.888	266.284.803
+ Tiền gửi Ngân hàng	203.074.389	1.246.344.898
- NH ĐT&PT Quảng Ninh	10.386.330	1.246.344.898
- NHĐT&PT Thăng Long	192.688.059	-
CN Hà Nội	-	31.757.111
+ Tiền mặt	-	14.191.395
+ Tiền gửi Ngân hàng	-	17.565.716
- NH nông nghiệp & PTNT Láng Hạ	-	1.048.430
- NH TMCP Quân đội - CN Tây Hà Nội	-	16.517.286
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	757.899.059	1.470.174.166
+ Tiền mặt	101.536.338	1.435.165.135

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

+ Tiền gửi Ngân hàng	656.362.721	35.009.031
- Sở Giao dịch NHNN&PTNT	1.674.649	1.674.649
- PGD Mường La - BIDV Sơn La	-	1.306.674
- NH NN&PTNT - CN Tràng An	643.521.805	24.290.989
- Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	4.014.771	3.984.670
- Ngân hàng MB - CN Tây Hà Nội	4.699.030	3.752.049
- Ngân hàng MB - CN Tây Hồ	2.452.466	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	15.345.151	-
+ Tiền mặt	5.871.327	-
+ Tiền gửi Ngân hàng	9.473.824	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Tây Hà Nội	3.673.862	-
- Ngân hàng ĐT & PTVN - CN Đông Đô	3.851.732	-
- Ngân hàng NN & PTNT - CN Tràng An	1.948.230	-
Cộng	6.365.156.871	6.945.061.486

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn	3.666.000.000	12.666.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	1.000.000.000	10.000.000.000
- NH ĐT&PT Đông Đô	1.000.000.000	5.000.000.000
- NH TMCP Quân Đội - CN Tây Hà Nội	-	5.000.000.000
+ Cho vay ngắn hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
- Cty cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	2.000.000.000	2.000.000.000
+ Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	666.000.000	666.000.000
- Cty cổ phần Sông Đà 6	666.000.000	666.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(506.640.000)	(334.000.000)
- Cty cổ phần Sông Đà 6	(506.640.000)	(334.000.000)
Cộng	3.159.360.000	12.332.000.000

03. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	2.562.269.169	2.841.367.216
- Vũ Văn Long	560.000.000	560.000.000
- Trần Việt Sơn	442.470.416	442.470.416
- Trương Bá Đức	347.342.582	347.342.582
- Nguyễn Xuân Kỳ	183.945.049	183.945.049
- Lê Như Hải	18.000.000	18.000.000
- Ông Vũ Đức Tiến	-	87.609.507
- Hoàng Văn Anh	178.942.317	178.942.317
- Tiền dịch vụ tòa nhà KTX sinh viên	90.124.223	95.888.413
- Tiền dịch vụ tòa nhà Sông Đà - Cầu Giấy	3.326.000	93.198.000
- BHXH tỉnh Hòa Bình	-	36.333.710
- Phải thu CBCNV	265.210.000	265.210.000
- Tiền ủng hộ đồng bào bão lụt	-	13.172.211
- Cty CP Sông Đà Đất Vàng (tiền lãi vay)	392.908.582	114.000.000
- Tiền ủng hộ Nhật Bản	20.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

- Dương Hồng Sơn - CT 53 Lê Đại Hành	-	188.537.527
- Lương Xuân Bình - CT đường lên Yên Tử	-	164.594.197
- Lãi tiền gửi tiết kiệm	-	52.123.287
- Cty CP Sông Đà Sao (tiền cổ tức năm 2010)	60.000.000	-
CN Hà Nội	-	47.776.714
- Phải thu BHXH, BHYT của CBCNV	-	30.687.386
- Công ty cổ phần Sông Đà 3	-	17.089.328
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	1.176.720.621	23.916.967
- Phải thu CBCNV	75.618.432	23.916.967
- CTCP ĐT & PT điện Tây Bắc	115.332.139	-
- Công ty TNHH MTV Thu Hà	99.361.266	-
- Công ty TNHH MTV Nghĩa Quốc Đạt	21.360.000	-
- CTCP Hưng Yên	124.402.425	-
- CTCP ĐT & XL Hoàng Sơn	740.646.359	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	71.859.356	-
- Phải thu CB CNV	47.859.356	-
- CN Cty CP SĐà Thăng Long tại Hoà Bình	24.000.000	-
Cộng	3.810.849.146	2.913.060.897

04. Hàng tồn kho**VP Công ty**

- Nguyên vật liệu	97.408.155	1.355.920.718
- Chi phí SXKD dở dang	265.616.582.204	218.105.422.510

CN Quảng Ninh

- Nguyên vật liệu	70.499.886	329.715.519
- Công cụ, dụng cụ	41.139.286	74.853.286
- Chi phí SXKD dở dang	9.288.897.333	9.765.328.828

CN Hà Nội

- Nguyên vật liệu	-	52.039.283.746
- Công cụ, dụng cụ	-	8.787.975.927
- Chi phí SXKD dở dang	-	362.758.576
- Chi phí SXKD dở dang	-	42.888.549.243

Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình

- Nguyên vật liệu	66.691.159.691	56.149.732.427
- Chi phí SXKD dở dang	679.501.065	187.831.237
- Thành phẩm	65.870.887.393	55.813.725.272
- Thành phẩm	140.771.233	148.175.918

Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội

- Nguyên vật liệu	72.063.775.442	-
- Công cụ, dụng cụ	6.822.159.001	-
- Chi phí SXKD dở dang	34.900.000	-
- Chi phí SXKD dở dang	65.206.716.441	-

Cộng

413.869.461.997 **337.820.257.034**

05. Chi phí trả trước ngắn hạn**CN Quảng Ninh**

- Chi phí công cụ, dụng cụ phân bổ dần	872.878.457	-
- Chi phí quản lý chờ kết chuyển	70.473.292	-
- Chi phí quản lý chờ kết chuyển	802.405.165	-

CN Hà Nội

- **976.020.896**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
 Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
 ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

- CP thuê VP	-	117.000.000
- CP Công cụ dụng cụ phân bổ dần	-	859.020.896
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	1.283.528.701	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ phân bổ dần	7.910.000	-
- Chi phí quản lý chờ kết chuyển	1.275.618.701	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	991.008.504	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ phân bổ dần	991.008.504	-
Cộng	3.147.415.662	976.020.896

06. Tài sản ngắn hạn khác**VP Công ty**

- Tạm ứng	4.031.047.246	2.366.945.494
- Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	1.246.548.500	48.246.548.500

CN Quảng Ninh

- Tạm ứng	130.662.110	193.282.872
- Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	46.794.000	-

CN Hà Nội

- Tạm ứng	-	8.023.542.617
-----------	---	---------------

Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình

- Tạm ứng	2.322.320.162	1.326.274.374
- Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	203.500.000	3.500.000

Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội

- Tạm ứng	7.971.814.855	-
-----------	---------------	---

Cộng

Số cuối quý	Số đầu năm
5.277.595.746	50.613.493.994
2.525.820.162	1.326.274.374
7.971.814.855	-
15.952.686.873	60.156.593.857

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình					Đơn vị tính: VND
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình					0
Số dư đầu năm	4.480.388.940	51.231.701.450	12.525.425.931	541.103.669	68.778.619.990
- Mua trong năm	169.363.636	13.783.808.635	243.958.000	22.717.273	14.197.130.271
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.923.188.697)	(1.017.034.327)	(56.087.182)	(13.940.223.024)
Số dư cuối năm	4.649.752.576	52.092.321.388	11.752.349.604	507.733.760	69.002.157.328
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	913.643.205	30.294.348.699	7.807.404.201	356.399.437	39.371.795.542
- Khấu hao trong năm	278.645.463	2.730.076.444	1.270.717.106	39.002.326	4.318.441.339
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.496.800.659)	(2.941.043.411)	(56.431.184)	(16.494.275.254)
Số dư cuối năm	1.192.288.668	19.527.624.484	6.137.077.896	338.970.579	27.195.961.627
III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình					
- Tại ngày đầu năm	3.566.745.735	20.937.352.751	4.718.021.730	184.704.232	29.406.824.448
- Tại ngày cuối năm	3.457.463.908	32.564.696.904	5.615.271.708	168.763.181	41.806.195.701

08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối quý	Số đầu năm
- Hệ thống móng máy nghiền mở Quốc Oai	40.583.804	-
Cộng	40.583.804	-

09. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư dài hạn khác	1.253.000	14.997.327.893	956.690	12.034.227.893
Cty cổ phần Sông Đà - Đất Vàng	3.000	30.000.000	3.000	30.000.000
Cty cổ phần Sông Đà - Nha Trang	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
Cty cổ phần Sông Đà Sao	60.000	600.000.000	60.000	600.000.000
Cty cổ phần Sông Đà 1.01	890.000	11.367.327.893	593.690	8.404.227.893
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(687.327.893)	-	-
Cty cổ phần Sông Đà 1.01		(687.327.893)		-
Cộng	1.253.000	14.310.000.000	956.690	12.034.227.893

10. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	1.370.686.512	501.924.613
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	1.239.171.361	168.288.250
- Phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	131.515.151	333.636.363
CN Quảng Ninh	3.842.299.974	20.531.250
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	3.842.299.974	20.531.250
CN Hà Nội	-	2.016.874.040
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	-	2.016.874.040
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	407.009.510	81.066.665
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	228.592.843	81.066.665
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	178.416.667	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	5.272.511.686	-
- Công cụ, dụng cụ có giá trị lớn	5.272.511.686	-
Cộng	10.892.507.682	2.620.396.568

11. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	29.414.478.036	28.575.506.657
- NH NN&PTNT Trảng An	28.107.504.036	28.575.506.657
- Ngân hàng ĐT & PT - CN Đông Đô	1.306.974.000	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	8.776.001.143	-
- NH TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ	1.000.000.000	-
- NH NN&PTNT Trảng An	7.776.001.143	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	8.878.651.740	-
- Ngân hàng ĐT & PT - CN Đông Đô	8.878.651.740	-
Cộng	47.069.130.919	28.575.506.657

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	2.027.868.628	2.926.167.843
- Thuế thu nhập cá nhân	113.707.789	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.792.900	16.792.900
- Thuế GTGT	-	1.297.461.097
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.727.265.139	1.441.811.046
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	170.102.800	170.102.800
CN Quảng Ninh	2.852.030	31.869.910
- Thuế thu nhập cá nhân	2.852.030	2.417.056
- Thuế GTGT	-	29.452.854
CN Hà Nội	-	18.958.371
- Thuế thu nhập cá nhân	-	18.958.371
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	154.604.422	74.448.287
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	117.506.188	62.847.362
- Thuế thu nhập cá nhân	37.098.234	11.600.925
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	44.108.619	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.166.030	-
- Thuế thu nhập cá nhân	942.589	-
Cộng	2.229.433.699	3.051.444.411

13. Chi phí phải trả	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	332.540.059.109	282.912.210.468
- CT NMXM Hạ Long	2.351.436.790	2.310.088.064
- Khu đô thị Thống Nhất - Hoàn Kiếm	56.284.579.194	42.377.007.475
- Thuê tầng trệt tại KTX sinh viên	108.545.455	108.545.455
- CT mạng VDC	55.538.010	55.538.010
- Chi phí BDH DA NMXM Hạ Long	840.985.594	840.985.594
- CT Báo Hà Nội mới	218.178.973	218.178.973
- CT 53 Lê Đại Hành	-	152.251.360
- CT CT4 - Văn Khê	264.632.033.679	235.762.051.950
- CT 143/85 Hạ Đình	1.245.420.832	1.087.563.587
- CT Tòa nhà 106 CT3	2.919.772.415	-
- CT Dương Nội	3.758.318.167	-
- Cho thuê máy ED5500	125.250.000	-
CN Quảng Ninh	581.576.630	2.396.387.500
- Nguyễn Công Hùng	190.712.550	-
- Công ty TNHH XD & TM Hoàng Trường	-	2.396.387.500
- Công ty CP XD Hà Nội H&H	78.100.000	-
- Nguyễn Văn Tuấn	131.897.220	-
- Nguyễn Bá Cát	22.620.000	-
- Bùi Văn Du	120.968.860	-
- Công ty CP CKP	37.278.000	-
CN Hà Nội	-	2.719.962.465
- Nguyễn Văn Hiền	-	500.884.922
- Mai Thanh Hà	-	30.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

- NC lắp dựng trần thạch cao HH4 Mỹ Đình	-	385.474.664
- NC ốp, lát công trình HH4 Mỹ Đình	-	35.088.108
- Vật tư, NC khung nhôm CT HH4 Mỹ Đình	-	618.113.225
- Vật tư, nhân công sơn bả trần CT HH4 Mỹ Đình	-	164.366.021
- Công trình CT4 Văn Khê	-	478.330.632
- Chi phí tấm trần thạch cao CT HH4 Mỹ Đình	-	507.704.893
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	1.037.258.346	-
- CTCP ĐT & XL Hoàn Sơn	1.037.258.346	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	315.494.105	-
- Nguyễn Văn Hiền	39.309.902	-
- Công trình Toà nhà HH4 Mỹ Đình	164.366.021	-
- Mai Thanh Hà	30.000.000	-
- Công ty TNHH XNK TM & du lịch Havico	81.818.182	-
Cộng	334.474.388.190	288.028.560.433

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	261.985.245	266.151.350
- Bảo hiểm xã hội	709.839.385	210.109.736,00
- Bảo hiểm y tế	205.979.212	43.224.740,00
- Bảo hiểm thất nghiệp	114.283.357	21.754.492
VP Công ty	38.610.393.819	34.617.086.988
- Quỹ tự nguyện	25.775.932	39.666.951
- Tổng công ty Sông Đà	24.965.641.610	27.599.695.285
- Nguyễn Anh Phương	202.704.057	202.704.057
- Vũ Đức Tiến	552.038.522	580.739.668
- Tạ Văn Trung	203.365.708	3.141.644.110
- Dương Văn Thạch	437.248.916	76.840.235
- Hà Vinh	912.043.512	-
- Cty cổ phần Sông Đà 2	42.171.562	42.171.562
- Tiền góp vốn đầu tư KTX sinh viên	2.214.404.000	2.214.404.000
- Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng DN	-	41.021.120
- Nguyễn Quốc Chính	-	500.000.000
- Thù lao HĐQT, BKS Công ty	255.000.000	178.200.000
- Cổ tức năm 2010	7.500.000.000	-
- Nguyễn Kim Thành	1.300.000.000	-
CN Quảng Ninh	667.923.601	814.160.909
- Bùi Tiến Dũng	-	14.568.899
- Nguyễn Văn Báu	-	120.000.000
- Công ty CP xi măng Hạ Long	-	14.592.010
- Nguyễn Thị Mai	-	100.000.000
- Nguyễn Trung Long	-	100.000.000
- Trương Văn Trách	-	305.000.000
- Nguyễn Bảo Chung	-	50.000.000
- Nguyễn Thị Hoa	-	60.000.000
- Đỗ Văn Cẩm	-	50.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

- Doanh nghiệp tư nhân Vũ Quyết	667.923.601	-
CN Hà Nội	-	3.595.314.183
- CT Toà nhà CT4 - Hoá đơn GTGT trả sau	-	1.503.266.027
- Nguyễn Xuân Bình	-	919.329.732
- Cục thuế Hà Nội	-	29.011.039
- Nguyễn Thị Bích Hạnh	-	400.000.000
- Hà Ngọc Sơn - tiền thuê văn phòng	-	117.000.000
- Tiền nhân công các công trình	-	626.707.385
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	550.495.912	249.615.836
- Công ty CP An Thái	-	31.468.060
- Công ty CP Xây dựng Đại Phúc	-	16.665.000
- Công ty TNHH Bình Minh	5.920.000	5.920.000
- Ban điều hành DATĐ Huội Quảng	370.531.454	6.732.147
- Ban điều hành DATĐ Sơn La	1.163.246	-
- Phải trả CBCNV	62.198.388	4.825.817
- Tiền cổ tức năm 2010	625.772	-
- Đối tượng khác	110.057.052	184.004.812
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	9.518.153.964	-
- Phải trả tiền nhân công thuê ngoài	2.709.330.206	-
- Phải trả nhà cung cấp - HĐ GTGT trả sau	6.206.930.977	-
- Nguyễn Xuân Bình	569.329.732	-
- Hoàng Văn Phú	13.584.500	-
- Phải trả cục thuế Hà Nội	18.978.549	-
Cộng	50.639.054.495	39.817.418.234
15. Vay và nợ dài hạn	Số cuối quý	Số đầu năm
VP Công ty	1.620.000.000	2.778.703.600
- NH ĐT&PT Đông Đô	1.620.000.000	2.778.703.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 1.02 Hoà Bình	5.400.000.000	-
- Ngân hàng NN & PTNT Trảng An	5.400.000.000	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.03 Hà Nội	-	-
Cộng	7.020.000.000	2.778.703.600

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1**Báo cáo tài chính**

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội Cho giai đoạn kế toán từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

16. Vốn chủ sở hữu**16.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	8.987.449.108	749.364.442	131.467.446	5.568.889.368	30.437.170.364
- Tăng vốn trong năm trước	35.000.000.000	11.766.870.000	-	-	-	46.766.870.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	12.645.451.085	12.645.451.085
- Giảm khác	-	-	1.113.777.874	556.888.937	6.243.889.368	7.914.556.179
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	20.754.319.108	1.863.142.316	688.356.383	11.970.451.085	85.276.268.892
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	20.754.319.108	1.863.142.316	688.356.383	11.970.451.085	85.276.268.892
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	7.063.819.752	7.063.819.752
- Tăng khác	-	-	1.899.743.977	1.258.506.532	-	3.158.250.509
- Giảm khác	-	-	-	-	11.868.451.085	11.868.451.085
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	20.754.319.108	3.762.886.293	1.946.862.915	7.165.819.752	83.629.888.068

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Vốn góp của Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long
- Vốn góp của Công ty cổ phần Hà Châu OSC
- Vốn góp của các đối tượng khác

Cộng

Số cuối quý	Số đầu năm
19.142.000.000	19.142.000.000
5.600.870.000	5.600.870.000
25.257.130.000	25.257.130.000
50.000.000.000	50.000.000.000

16.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**- Vốn đầu tư của chủ sở hữu**

- + Vốn góp đầu kỳ
- + Vốn góp tăng trong kỳ
- + Vốn góp giảm trong kỳ
- + Vốn góp cuối kỳ

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
50.000.000.000	15.000.000.000
-	35.000.000.000
-	-
50.000.000.000	50.000.000.000
11.868.451.085	5.568.889.368

16.4 Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi chưa ghi nhận

Số cuối quý	Số đầu năm
--------------------	-------------------

16.5 Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- Cổ phiếu phổ thông*
- Cổ phiếu ưu đãi*
- Số lượng cổ phiếu được mua lại
- Cổ phiếu phổ thông*
- Cổ phiếu ưu đãi*
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông*
- Cổ phiếu ưu đãi*

Số cuối quý	Số đầu năm
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000
-	-
-	-
-	-
-	-
5.000.000	5.000.000
5.000.000	5.000.000
-	-

* **Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành <VND/CP>**

10.000 10.000

16.6 Các quỹ của Công ty

- Quỹ đầu tư phát triển
- Quỹ dự phòng tài chính
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Cộng

Số cuối quý	Số đầu năm
3.756.877.829	1.863.142.316
1.940.854.451	688.356.383
-	-
5.697.732.280	2.551.498.699

* **Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty**

- Quỹ đầu tư phát triển dùng để:
- + Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị, điều kiện làm việc của Công ty;
- + Góp vốn liên doanh, mua cổ phiếu, góp vốn cổ phần theo quy định hiện hành.
- Quỹ dự phòng tài chính dùng để:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

+ Bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
17. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng và các dịch vụ đã cung cấp	136.710.623.768	127.755.365.762
Cộng	136.710.623.768	127.755.365.762
18. Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	9.266.300	-
Cộng	9.266.300	-
19. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của hàng đã bán, dịch vụ đã cung cấp	119.477.713.800	117.260.812.550
Cộng	119.477.713.800	117.260.812.550
20. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.183.226.500	1.058.945.780
- Mua bán cổ phiếu	-	2.536.450.000
- Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	1.046.563.956	1.425.471.167
Cộng	2.229.790.456	5.020.866.947
21. Chi phí hoạt động tài chính		
- Lãi vay phải trả ngân hàng, tập đoàn	5.051.477.509	3.314.659.008
- Dự phòng giảm giá chứng khoán	859.967.893	22.000.000
- Chi phí tài chính khác	6.250.000	750.684.900
Cộng	5.917.695.402	4.087.343.908
22. Thu nhập khác		
+ Thu nhập từ bán TSCĐ thanh lý	4.051.051.490	-
+ Thu nhập từ bán, chuyển nhượng chi nhánh	3.020.462.738	-
+ Công nợ không phải trả	1.292.668.821	-
+ Thu nhập khác	65.147.823	6.738.348.300
+ Thanh lý vật tư thu hồi	12.981.818	-
Cộng	8.442.312.690	6.738.348.300

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1

Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
23. Chi phí khác		
+ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	852.162.664	-
+ Chi phí thanh lý	1.114.345.147	-
+ Xử lý công nợ không thu hồi được	220.896.961	-
+ Chi phí khác	521.005.317	2.590.116.508
Cộng	2.708.410.089	2.590.116.508
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.812.274.441	1.804.227.120
Cộng	1.812.274.441	1.804.227.120

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh**

Số dư đầu năm trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số dư trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được lấy theo Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2010 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

2. Một số chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

Chỉ tiêu		ĐVT	Kỳ này	Kỳ trước
I.	Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn			
1	Bố trí cơ cấu tài sản			
1.1	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn/Σ tài sản	%	9,96	17,63
1.2	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn/Σ tài sản	%	90,04	82,37
2	Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
2.1	Nợ phải trả/Σ nguồn vốn	%	86,39	84,33
2.2	Nguồn vốn chủ sở hữu/Σ nguồn vốn	%	12,42	15,67
II	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán hiện hành			
1	(Σ tiền và tương đương tiền/Σ nợ ngắn hạn)	lần	0,011	1,186
	Khả năng thanh toán công nợ ngắn hạn			
2	(Σ TS ngắn hạn/Σ Nợ ngắn hạn)	lần	1,055	0,988
	Khả năng thanh toán nhanh			
3	Σ(Tiền+Đầu tư ngắn hạn)/Σ Nợ ngắn hạn	lần	0,017	0,034
III	Tỷ suất lợi nhuận			
1	Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
1.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	%	6,63	5,94
1.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,31	4,53

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 1
Địa chỉ: Số 18/165, đường Cầu Giấy, phường
Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho giai đoạn kế toán từ
ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

2	Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản			
2.1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Σtài sản	%	1,35	1,72
2.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Σtài sản	%	1,08	1,31

Lập, ngày 30 tháng 08 năm 2011

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐẶNG DUY PHONG

NGUYỄN VĂN TOÁN

NGUYỄN DUY KIÊN